

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 17- 3-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Thị Thanh Trúc;

Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Thòn - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 28/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank).

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholding tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện ông Nguyễn Thanh Phong, Giám đốc Chi nhánh Trà Vinh (Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ.TGD ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Ông Nguyễn Thanh Phong ủy quyền cho ông Phan Dương Minh Tâm, chuyên viên xử lý nợ theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 229/2023/QĐ- LienVietPostBank.CNTV ngày 27/02/2023 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ chi nhánh: số 272A, đường Nguyễn Đáng, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Bà Lâm Thị Ngọc T, sinh năm 1972 (vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt và bản tự khai của người đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau: Ngày 04/4/2019, bà Lâm Thị Ngọc T và chồng ông Nguyễn Văn X có vay ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 mục đích vay tiêu dùng, lãi trong hạn: 12% (theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 72 tháng. Khi vay bà T, ông X có thể chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 122/2019/HĐTC/CNTràVinh ngày 04/4/2019, tài sản thế chấp là:

+ Thửa 1365, diện tích 166m², tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

+ Thửa 1366, diện tích 109m², tờ bản đồ số 2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trong quá trình vay bà T, ông X đã vi phạm hợp đồng vay, tính đến ngày 17/3/2023 bà T, ông X còn nợ gốc ngân hàng với số tiền gốc là 93.731.972 đồng và lãi trong hạn là 16.781.146 đồng, lãi quá hạn là 6.753.580 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019.

Nay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt yêu cầu bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 117.266.682 đồng tính đến ngày 17/3/2023. Trong đó nợ gốc là 93.731.972 đồng và lãi trong hạn là 16.781.146 đồng, lãi quá hạn là 6.753.580 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo, theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019. Trường hợp bà T, ông X không thanh toán đủ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Theo bản tự khai đề ngày 22/11/2022 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T trình bày: Bà thừa nhận trước đây vào ngày 04/4/2019 bà và ông Nguyễn Văn X (chồng bà) có vay ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền gốc là 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và có thể chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay này, tài sản thế chấp như ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trình bày là đúng. Do hoàn

cảnh khó khăn nên vợ chồng bà chưa đóng lãi cho ngân hàng được. Tính đến ngày 30/11/2022 vợ chồng bà còn nợ ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền gốc 93.731.972 đồng.

Nay vợ chồng bà đồng ý trả cho ngân hàng số tiền gốc là 93.731.972 đồng và lãi trong hạn là 14.291.960 đồng, lãi quá hạn là 3.690.780 đồng tính đến ngày 30/11/2022 và tiền lãi phát sinh tiếp theo, theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019.

Trường hợp vợ chồng bà không thanh toán đủ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì bà không đồng ý giao tài sản thế chấp để Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ vì đây là tài sản để ở duy nhất của gia đình bà.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông X vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông X.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 117.266.682 đồng tính đến ngày 17/3/2023. Trong đó nợ gốc là 93.731.972 đồng và lãi trong hạn là 16.781.146 đồng, lãi quá hạn là 6.753.580 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo, theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019. Trường hợp bà T, ông X không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt yêu cầu phát mãi các tài sản là quyền sử dụng đất mà bà T, ông X đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 122/2019/HĐTC/CNTràVinh ngày 04/4/2019 để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày của bà theo bản tự khai đề ngày 22/11/2022, bà đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt khi bà bán được đất của bà.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông X vẫn vắng mặt không lý do đến lần thứ 2 và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập. Trên cơ sở các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ; Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn X trả tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T vắng mặt, nhưng đều có đơn xin vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X, trong quá trình thụ lý cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử, ông X đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án nhưng ông X đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với bên vay là bà

Lâm Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn X. Hai bên thỏa thuận số tiền gốc cho bà T, ông X vay là 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi trong hạn: 12% và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 72 tháng; nợ gốc được trả trong 72 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký kết này dựa trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận quy định trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T, ông X có thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với tiền gốc là 56.268.024 đồng và lãi trong hạn là 39.163.604 đồng tính đến ngày 24/7/2021. Sau đó do bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X vi phạm hợp đồng, không tiếp tục thanh toán nợ đúng hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên nên Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt khởi kiện bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X là có cơ sở.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, bị đơn ông X đều vắng mặt, không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện, cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Nhưng qua lời khai của bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T (vợ ông X) thì bà thừa nhận bà và chồng bà là ông X có vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng, lãi suất đúng như Ngân hàng trình bày trong đơn khởi kiện và vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Tính đến nay, vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 93.731.956 đồng và các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng. Nay vợ chồng bà đồng ý trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng bà xin Tòa án giải quyết thời gian để cho bà trả nợ gốc và lãi là 01 năm và bà không đồng ý giao tài sản thế chấp để Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vì đây là tài sản duy nhất của gia đình bà.

Do đó, từ các nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/3/2023 tổng cộng là 117.266.682 đồng. Trong đó nợ gốc là 93.731.972 đồng và lãi trong hạn là 16.781.146 đồng, lãi quá hạn là 6.753.580 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo, theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019 cũng như quan điểm đề nghị của Vị đại Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất: Thửa 1365, diện tích 166m², tờ

bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Thửa 1366, diện tích 109m², tờ bản đồ số 2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và việc thế chấp này trong quá trình giải quyết vụ án cũng được bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T thừa nhận. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 122/2019/HĐTC/CNTràVinh ngày 04/4/2019 đã được Văn phòng Công chứng Công Lý chứng thực vào ngày 05/4/2019 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bà T, ông X được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh huyện Châu Thành chứng nhận vào ngày 05/4/2019 là đều thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2015 và phía bị đơn cũng không có khiếu nại gì đối với Hợp đồng thế chấp nêu trên.

Do đó, Hợp đồng thế chấp số 122/2019/HĐTC/CNTràVinh ngày 04/4/2019 là hợp pháp nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đã được quy định tại Hợp đồng thế chấp này. Xét thấy, do bà T, ông X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ tại khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số 122/2019/HĐTC/CNTràVinh ngày 04/4/2019 và Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt là có căn cứ và cũng phù hợp với đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Lời nại ra của bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T về việc không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ngoài ra, theo biên bản xác minh do địa chính xã S cung cấp thì thửa đất 1365, diện tích 166m² và thửa đất 1366, diện tích 109m², cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, trên thửa đất có 01 căn nhà của bà T. Hiện nay các tài sản này chỉ có gia đình bà T đang sử dụng, không tranh chấp với ai.

Từ những chứng cứ, căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Sau khi Bản án có hiệu lực nếu bà T, ông X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ và có quyền ưu tiên thanh toán.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ các Điều: 292, 293, 295, 298, 299, 301, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Buộc bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/3/2023 là 117.266.682 đồng; trong đó nợ gốc là 93.731.972 đồng và lãi trong hạn là 16.781.146 đồng, lãi quá hạn là 6.753.580 đồng.

Kể từ ngày 18/3/2023, bà Lâm Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn X còn phải trả lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HDTD8602019375 ngày 04/4/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 122/2019/HĐTC/CNTràVinh ngày 04/4/2019 gồm: Thửa đất 1365, diện tích 166m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất 1366, diện tích 109m², loại đất trồng lúa. Hai thửa đất cùng tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp K, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để thu hồi nợ và có quyền được ưu tiên thanh toán.

Về án phí: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn X phải chịu số tiền 5.863.334 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.720.000 đồng theo biên lai thu 0014023 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hùng